

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

- Tên gói thầu: Thi công xây dựng công trình: Di chuyển, đền bù các tuyến đường dây 0,4kV phục vụ công tác GPMB
- Tên dự án: Di chuyển đền bù các tuyến đường dây 0,4kV phục vụ công tác GPMB thuộc dự án “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xã Vĩnh Hào đoạn từ đường huyện Chợ Lồi - Đại Thắng đến cầu Xi, huyện Vụ Bản”
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình).
- Chủ đầu tư: UBND xã Liên Minh
- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp IV
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

Thực hiện Văn bản số 5557/BTC-QLĐT ngày 05/5/2026 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện tiết kiệm trong đấu thầu các dự án đầu tư công năm 2026, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Xuân Trường đề nghị các nhà thầu nghiên cứu nội dung văn bản trên và khuyến khích cắt giảm, tiết kiệm chi phí thực hiện gói thầu trong quá trình tham dự thầu.

(Văn bản số 5557/BTC-QLĐT ngày 05/5/2026 được đính kèm trong HSMT).

- Địa điểm xây dựng: Xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (chi phí GPMB dự án).
- Mục tiêu đầu tư:

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xã Vĩnh Hào đoạn từ đường huyện Chợ Lồi - Đại Thắng đến cầu Xi, huyện Vụ Bản nhằm mục tiêu hoàn chỉnh hệ thống giao thông huyện Vụ Bản, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Mục đích lựa chọn nhà thầu:

+ Lựa chọn được nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu theo quy định của pháp luật.

+ Nhà thầu được lựa chọn phải có uy tín trong việc thực hiện hợp đồng, có năng lực tài chính khả thi, đáp ứng vô điều kiện trong trường hợp ứng vốn trước để thực hiện dự án, đảm bảo thi công theo đúng tiến độ thực hiện của gói thầu, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Phạm vi công việc của gói thầu:

Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện công việc theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, tuân thủ quy định của Luật Xây dựng, quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành của pháp luật.

2. Quy mô và giải pháp thiết kế:

Công trình: Di chuyển đèn bù các tuyến đường dây 0,4kV phục vụ công tác GPMB thuộc dự án “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện Chợ Lồi – Đại Thắng đến cầu Xi, huyện Vụ Bản” bao gồm các nội dung chính như sau:

- Thay mới các vị trí cột nằm trong lòng đường bằng các cột bê tông li tâm.
- Đúc mới các vị trí móng tương ứng với các vị trí thay cột.
- Thay mới xà, phụ kiện đường dây tại các vị trí thay cột và kéo căng lại cáp.
- Tận dụng tháo hạ và căng lại cáp vắn xoắn, thay dây AV bằng cáp vắn xoắn cho các các đoạn tuyến còn lại đảm bảo hành lang an toàn điện.
- Tận dụng di chuyển các hộp công tơ sang vị trí cột mới tương ứng (bổ sung mới đai thép + khóa đai và ghíp GN1).
- Thay mới phụ kiện để đầu nối lại các nhánh rẽ.
- Thu hồi xà, sứ, cột điện.

* Giải pháp thiết kế:

2.1. Các đoạn tuyến ĐZK 0.4kV sau TBA Vĩnh Hào 1:

* Nhánh rẽ cột 1.6 lộ 1

Di chuyển đoạn tuyến ĐZK 0.4kV nhánh rẽ cột 1.6 lộ 1 khoảng từ cột 1.6 đến cột 1.6/1.12 phục vụ mở rộng đường Vĩnh Hào, tuyến chủ yếu đi theo tuyến hiện có di chuyển các vị trí cột nằm trong phạm vi mở rộng đường ra giáp mép quy hoạch GPMB mở rộng đường, tổng chiều dài đoạn tuyến di chuyển 372m sử dụng 11 vị trí cột trồng mới. Phương án cụ thể:

+ Cột:

- Thay mới cột PC.I 8.5-190-5.0kN cho vị trí cột 1.6/1.1; 1.6/1.2; 1.6/1.5; 1.6/1.6; 1.6/1.7; 1.6/1.8; 1.6/1.9; 1.6/1.10; 1.6/1.11.

- Bổ sung vị trí cột 1.6/1.5a dùng cột PC.I 8.5-190-5.0kN.

- Thay mới cột LT10-13,0kN cho vị trí cột 1.6/1.12.

+ Móng:

- Đúc mới móng MT8,5-2 cho các vị trí cột 1.6/1.1; 1.6/1.2.

- Đúc mới móng ML8,5-2 cho các vị trí cột 1.6/1.5; 1.6/1.5a; 1.6/1.6; 1.6/1.7; 1.6/1.8; 1.6/1.9; 1.6/1.10; 1.6/1.11.

- Đúc mới móng MT10-2 cho vị trí cột 1.6/1.12.

+ Dây dẫn: Thay dây dẫn (3AV95+AV70)mm² khoảng từ cột 1.6 đến cột 1.6/1.12 bằng cáp vặn xoắn Al/XLPE(4x120)mm², chiều dài L=372m;

+ Xà, phụ kiện cáp VX:

- Thay mới tấm móc, đai thép+ khóa đai, kẹp néo, kẹp đỡ cáp vặn xoắn, phụ kiện đầu nối phù hợp với chủng loại cáp.

- Bổ sung xà lãnh cáp vặn xoắn cho các vị trí cột: 1.6/1.5; 1.6/1.5a; 1.6/1.6; 1.6/1.7 và 1.6/1.9.

- Tháo dỡ, thu hồi xà, sứ trên tuyến.

+ Đóng mới tiếp địa tại các vị trí cột 1.6/1.1; 1.6/1.7; 1.6/1.9;

+ Hòm hộp công tơ, tủ tụ bù:

- Tháo hạ, lắp đặt lại hòm, hộp công tơ; tủ tụ bù tại các vị trí cột thay thế.

- Thay mới phụ kiện đầu nối, treo hòm hộp công tơ.

- Bổ sung dây dẫn đầu nối dây sau công tơ; đầu nối hoàn trả cáp điện lại cho các hộ sử dụng điện.

2.2. Các đoạn tuyến ĐZK 0.4kV sau TBA Vĩnh Hào 5:

* Đoạn tuyến từ cột (1.2.3).1 đến 2.17 lộ 2: Di chuyển đoạn tuyến ĐZK 0.4kV khoảng từ cột (1.2.3).1 đến cột 2.17 lộ 2 sau TBA Vĩnh Hào 5 phục vụ mở rộng đường Vĩnh Hào. Đoạn từ sau TBA Vĩnh Hào 5 đến cột (1.2.3).1 đến cột 2.9 chiều dài 227m di chuyển sang bên đối diện với tuyến hiện có; đoạn từ 2.9 đến cột 2.17 chiều dài 230m chủ yếu đi theo tuyến hiện có di chuyển các vị trí cột nằm trong phạm vi mở rộng đường ra giáp mép quy hoạch GPMB mở rộng đường, tổng chiều dài di chuyển đoạn tuyến từ TBA Vĩnh Hào 5 đến cột 2.17 có chiều dài 457m sử dụng 13 vị trí cột trồng mới. Phương án cụ thể:

+ Cột:

- Thay mới cột LT10-13,0kN cho các vị trí cột (1.2.3).1; (1.2.3).2 và 2.16.
- Thay mới cột PC.I 8.5-190-5.0kN cho các vị trí cột 2.3; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7; 2.8; 2.11; 2.12; 2.13; 2.14.

+ Móng:

- Đúc mới móng MT8,5-2 cho các vị trí cột 2.3; 2.4; 2.5.
- Đúc mới móng ML8,5-2 cho các vị trí cột 2.6; 2.7; 2.8; 2.11; 2.12; 2.13; 2.14.
- Đúc mới móng MT10-2 cho các vị trí cột (1.2.3).1; (1.2.3).2 và 2.16.

+ Dây dẫn:

- Thay cáp VX(4x95)mm² khoảng từ tủ điện 0.4kV TBA Vĩnh Hào 5 đến cột (1.2.3).1 chiều dài = 12m và dây dẫn (3AV95+1AV70)mm² khoảng từ cột (1.2.3).1 đến cột 2.17 chiều dài 442m bằng cáp vặn xoắn Al/XLPE(4x120)mm² chiều dài L=457m.

- Tháo hạ, kéo rải căng lại cáp VX(4x50)mm² dây sau công tơ của hộ sản xuất, kinh doanh khoảng từ vị trí 2.7 đến 2.14 chiều dài 207m, tận dụng phụ kiện, bổ sung đai thép + khóa đai.

+ Xà, phụ kiện cáp VX:

- Thay mới tám móc, đai thép+ khóa đai, kẹp néo, kẹp đỡ cáp vặn xoắn, phụ kiện đầu nối phù hợp với chủng loại cáp.
- Bổ sung xà lánh cáp vặn xoắn cho các vị trí cột: 2.2; 2.7; 2.8; 2.11; 2.14; 2.15; 2.16.
- Tháo dỡ thu hồi xà, sứ trên tuyến.

+ Đóng mới tiếp địa tại các vị trí cột (1.2.3).1; 2.9 và 2.16;

+ Hòm hộp công tơ, tủ tụ bù:

- Tháo hạ, lắp đặt lại hòm, hộp công tơ; tủ tụ bù tại các vị trí cột thay thế.

- Thay mới phụ kiện đầu nối, treo hòm hộp công tơ.
- Bổ sung dây dẫn đầu nối dây sau công tơ; đầu nối hoàn trả cấp điện lại cho các hộ sử dụng điện.

* Đoạn tuyến từ cột (1.2.3).1 đến (1.3).10 lộ 1&3

Di chuyển đoạn tuyến ĐZK 0.4kV khoảng từ cột (1.2.3).1 đến cột (1.3).10 lộ 1 & 3 sau TBA Vĩnh Hào 5 phục vụ mở rộng đường Vĩnh Hào, tuyến chủ yếu đi theo tuyến hiện có di chuyển các vị trí cột nằm trong phạm vi mở rộng đường ra giáp mép quy hoạch GPMB mở rộng đường, tổng chiều dài đoạn tuyến di chuyển 343m sử dụng 11 vị trí cột trồng mới. Phương án cụ thể:

+ Cột:

- Thay mới cột LT10-13,0kN cho vị trí cột (1.3).10.
- Thay mới cột PC.I 8.5-190-5.0kN cho các vị trí cột (1.3).3; (1.3).4; (1.3).5; (1.3).6; (1.3).7; (1.3).8; (1.3).9.
- Bổ sung vị trí cột (1.3).4a; (1.3).6a; (1.3).7a dùng cột PC.I 8.5-190-5.0kN.

+ Móng:

- Đúc mới móng MT8,5-2 cho các vị trí cột (1.3).3; (1.3).4; (1.3).4a; (1.3).5.
- Đúc mới móng ML8,5-2 cho các vị trí cột (1.3).6; (1.3).6 a; (1.3).7; (1.3).7a; (1.3).8; (1.3).9.
- Đúc mới móng MT10-2 cho vị trí cột (1.3).10.

+ Dây dẫn: Thay dây dẫn 2VX(4x95)mm² khoảng từ tủ điện 0,4kV sau TBA Vĩnh Hào 5 đến cột (1.3).2 chiều dài 18m và thay dây dẫn 2x(3AV95+AV70)mm² khoảng từ cột (1.3).2 đến cột (1.3).10 chiều dài 319m bằng cáp vặn xoắn 2Al/XLPE(4x120)mm² chiều dài L=343m;

+ Xà, phụ kiện cáp VX:

- Thay mới tám móc, đai thép+ khóa đai, kẹp néo, kẹp đỡ cáp vặn xoắn, phụ kiện đầu nối phù hợp với chủng loại cáp.
- Bổ sung xà lánh cáp vặn xoắn cho vị trí cột: (1.3).6.
- Tháo dỡ thu hồi xà, sứ trên tuyến.

+ Đóng mới tiếp địa tại các vị trí cột (1.2.3).2; (1.3).8 mỗi vị trí 2 bộ cho 2 lộ;

+ Hòm hộp công tơ, tủ tụ bù:

- Tháo hạ, lắp đặt lại hòm, hộp công tơ; tủ tụ bù tại các vị trí cột thay thế;
- Thay mới phụ kiện đầu nối, treo hòm hộp công tơ;
- Bổ sung dây dẫn đầu nối dây sau công tơ; đầu nối hoàn trả cấp điện lại cho các hộ sử dụng điện.

* Đoạn tuyến từ cột (1.3).10 đến 3.15 lộ 3:

Di chuyển đoạn tuyến ĐZK 0.4kV khoảng từ cột (1.3).10 đến cột 3.15 lộ 3 sau TBA Vĩnh Hào 5 phục vụ mở rộng đường Vĩnh Hào, tuyến chủ yếu đi theo tuyến hiện có di chuyển các vị trí cột nằm trong phạm vi mở rộng đường ra giáp mép quy hoạch GPMB mở rộng đường, tổng chiều dài đoạn tuyến di chuyển 229m sử dụng 07 vị trí cột trồng mới. Phương án cụ thể:

+ Cột:

- Thay mới cột PC.I 8.5-190-5.0kN cho các vị trí cột 3.11; 3.12; 3.13; 3.14.
- Thay mới cột 2PC.I 8.5-190-5.0kN cho vị trí cột 3.15.
- Bổ sung vị trí cột 3.13a; 3.14a; dùng cột PC.I 8.5-190-5.0kN.

+ Móng:

- Đúc mới móng ML8,5-2 cho các vị trí cột 3.11; 3.12; 3.13; 3.13a; 3.14; 3.14a.
- Đúc mới móng MTK8,5-2 cho vị trí cột 3.15.

+ Dây dẫn: Thay dây dẫn (3AV95+AV70)mm² khoảng từ cột (1.3).10 đến cột 3.15 chiều dài 219m bằng cáp vặn xoắn Al/XLPE(4x120)mm² chiều dài L=229m;

+ Xà, phụ kiện cáp VX:

- Thay mới tấm móc, đai thép+ khóa đai, kẹp néo, kẹp đỡ cáp vặn xoắn, phụ kiện đầu nối phù hợp với chủng loại cáp.
- Tháo dỡ thu hồi xà, sứ trên tuyến.

+ Đóng mới tiếp địa tại vị trí cột 3.15;

+ Hòm hộp công tơ, tủ tụ bù:

- Tháo hạ, lắp đặt lại hòm, hộp công tơ; tủ tụ bù tại các vị trí cột thay thế.
- Thay mới phụ kiện đầu nối, treo hòm hộp công tơ.

- Bổ sung dây dẫn đấu nối dây sau công tơ; đấu nối hoàn trả cấp điện lại cho các hộ sử dụng điện.

2.3. Các đoạn tuyến ĐZK 0.4kV sau TBA Vĩnh Hào 2:

* Đoạn tuyến từ cột 2.12 đến 2.16 lộ 2:

Di chuyển đoạn tuyến ĐZK 0.4kV khoảng từ cột 2.12 đến cột 2.16 lộ 2 sau TBA Vĩnh Hào 2 phục vụ mở rộng đường Vĩnh Hào, tuyến chủ yếu đi theo tuyến hiện có di chuyển các vị trí cột nằm trong phạm vi mở rộng đường ra giáp mép quy hoạch GPMB mở rộng đường, tổng chiều dài đoạn tuyến di chuyển 150m sử dụng 03 vị trí cột trồng mới. Phương án cụ thể:

+ Cột: Thay mới cột PC.I 8.5-190-5.0 cho các vị trí cột 2.13; 2.15; 2.16;

+ Móng: Đúc mới móng MT8,5-2 cho các vị trí cột 2.13; 2.15; 2.16;

+ Dây dẫn: Tận dụng tháo lắp lại cáp vặn xoắn Al/XLPE(4x95)mm² khoảng từ cột 2.12 đến 2.16 chiều dài L=150m;

+ Xà, phụ kiện cáp VX:

- Thay mới tám móc, đai thép+ khóa đai, kẹp néo, kẹp đỡ cáp vặn xoắn, phụ kiện đấu nối phù hợp với chủng loại cáp.

+ Đóng mới tiếp địa tại vị trí cột 2.16;

+ Hòm hộp công tơ, tủ tụ bù:

- Tháo hạ, lắp đặt lại hòm, hộp công tơ, tủ tụ bù tại các vị trí cột thay thế.

- Thay mới phụ kiện đấu nối, treo hòm hộp công tơ.

- Bổ sung dây dẫn đấu nối dây sau công tơ; đấu nối hoàn trả cấp điện lại cho các hộ sử dụng điện.

* Đoạn tuyến từ cột 1.9 đến cột 1.16 lộ 1:

Di chuyển đoạn tuyến ĐZK 0.4kV khoảng từ cột 1.9 đến cột 1.16 lộ 1 sau TBA Vĩnh Hào 2 phục vụ mở rộng đường Vĩnh Hào, tuyến chủ yếu đi theo tuyến hiện có di chuyển các vị trí cột nằm trong phạm vi mở rộng đường ra giáp mép quy hoạch GPMB mở rộng đường, tổng chiều dài đoạn tuyến di chuyển 288m sử dụng 09 vị trí cột trồng mới. Phương án cụ thể:

+ Cột:

- Thay mới cột PC.I 8.5-190-5.0kN cho các vị trí cột 1.13; 1.13a; 1.14; 1.15 và 1.16.

- Thay mới cột LT10-13,0kN cho các vị trí cột 1.9; 1.11 và 1.12.

- Bổ sung vị trí cột 1.10a dùng cột PC.I 8.5-190-5.0kN.

+ Móng:

- Đúc mới móng ML8,5-2 cho các vị trí cột 1.10a; 1.13; 1.13a; 1.14; 1.15 và 1.16.

- Đúc mới móng MT10-2 cho các vị trí cột 1.9; 1.11 và 1.12.

+ Dây dẫn: Tận dụng tháo lắp lại cáp vặn xoắn Al/XLPE(4x95)mm² khoảng từ cột 1.9 đến cột 1.16 chiều dài L=288m;

+ Xà, phụ kiện cáp VX

- Thay mới tấm móc, đai thép+ khóa đai, kẹp néo, kẹp đỡ cáp vặn xoắn, phụ kiện đầu nối phù hợp với chủng loại cáp.

- Bổ sung xà lách cáp vặn xoắn cho các vị trí cột: 1.9/1.2; 1.9/1.4; 1.9/1.7.

+ Đóng mới tiếp địa tại các vị trí cột 1.9 và 1.9/1.8;

+ Hòm hộp công tơ, tủ tụ bù:

- Tháo hạ, lắp đặt lại hòm, hộp công tơ; tủ tụ bù tại các vị trí cột thay thế;

- Thay mới phụ kiện đầu nối, treo hòm hộp công tơ;

- Bổ sung dây dẫn đầu nối dây sau công tơ; đầu nối hoàn trả cáp điện lại cho các hộ sử dụng điện.

* Nhánh rẽ cột 1.9 lộ 1 (khoảng từ cột 1.9 đến cột 1.9/1.6/1.2):

Di chuyển đoạn tuyến ĐZK 0.4kV khoảng từ cột 1.9 đến cột 1.9/1.6/1.2 lộ 1 sau TBA Vĩnh Hào 2 phục vụ mở rộng đường Vĩnh Hào, về cơ bản giữ nguyên tuyến hiện có, di chuyển 01 cột vị trí 1.9/1.6/1.1 ra giáp mép quy hoạch GPMB mở rộng đường, tổng chiều dài đoạn tuyến di chuyển 288m. Phương án cụ thể:

+ Cột:

- Thay mới cột PC.I 8.5-190-5.0kN cho vị trí cột 1.9/1.6/1.1.

+ Móng: Đúc mới móng ML8,5-2 cho các vị trí cột 1.9/1.6/1.1;

+ Dây dẫn: Tận dụng tháo hạ, kéo rải căng lại cáp vặn xoắn Al/XLPE(4x95)mm² khoảng từ 1.9/1.6 đến cột 1.9/1.6/1.2 chiều dài L=55m;

+ Phụ kiện cáp VX: Thay mới tấm móc, đai thép+ khóa đai, kẹp néo, kẹp đỡ cáp vặn xoắn, phụ kiện đầu nối phù hợp với chủng loại cáp;

+ Hòm hộp công tơ, tủ tụ bù:

- Tháo hạ, lắp đặt lại hòm, hộp công tơ; tủ tụ bù tại các vị trí cột thay thế.
- Thay mới phụ kiện đầu nối, treo hòm hộp công tơ.
- Bổ sung dây dẫn đầu nối dây sau công tơ; đầu nối hoàn trả cấp điện lại cho các hộ sử dụng điện.

2.4. Các đoạn tuyến ĐZK 0.4kV sau TBA Vĩnh Hào 4:

* Đoạn tuyến từ cột (1.2.3.4).1 đến 2.3/1.7 lộ 1&2:

Di chuyển đoạn tuyến ĐZK 0.4kV khoảng từ cột (1.2.3.4).1 đến cột 2.3/1.7 lộ 1&2 sau TBA Vĩnh Hào 4 phục vụ mở rộng đường Vĩnh Hào, tuyến chủ yếu đi theo tuyến hiện có di chuyển các vị trí cột nằm trong phạm vi mở rộng đường ra giáp mép quy hoạch GPMB mở rộng đường, tổng chiều dài đoạn tuyến di chuyển 386m sử dụng 06 vị trí cột trồng mới. Phương án cụ thể:

+ Cột:

- Thay mới cột PC.I 8.5-190-5.0kN cho các vị trí cột 2.3/1.1; 2.3/1.2; 2.3/1.3; 2.3/1.4; 2.3/1.5.
- Bổ sung vị trí cột 2.3/1.1a dùng cột PC.I 8.5-190-5.0kN.

+ Móng:

- Đúc mới móng MT8,5-2 cho các vị trí cột 2.3/1.1; 2.3/1.1a; 2.3/1.2; 2.3/1.3; 2.3/1.4 và 2.3/1.5.

+ Dây dẫn:

- Thay cáp VX(4x95)mm² khoảng từ tủ điện 0,4kV TBA Vĩnh Hào 4 đến cột (1.2.3.4).1 chiều dài 8m và dây dẫn (3AV95+AV70)mm² khoảng từ cột (1.2.3.4).1 đến cột (1.2).3 chiều dài 89m và dây dẫn (3AV70+AV50)mm² khoảng từ cột

(1.2).3 đến cột 2.3/1.7 chiều dài 289m bằng cáp Al/XLPE(4x95) mm² chiều dài L=386m.

+ Xà, phụ kiện cáp VX:

- Thay mới tấm móc, đai thép+ khóa đai, kẹp néo, kẹp đỡ cáp vặn xoắn, phụ kiện đầu nối phù hợp với chủng loại cáp.
- Bổ sung xà lách cáp vặn xoắn cho các vị trí cột (1.2).3 và 2.3/1.4.

+ Đóng mới tiếp địa tại các vị trí cột (1.2.3.4).1 và 2.3/1.7;

+ Hòm hộp công tơ, tủ tụ bù:

- Tháo hạ, lắp đặt lại hòm, hộp công tơ; tủ tụ bù tại các vị trí cột thay thế.
- Thay mới phụ kiện đầu nối, treo hòm hộp công tơ.
- Bổ sung dây dẫn đầu nối dây sau công tơ; đầu nối hoàn trả cấp điện lại cho các hộ sử dụng điện.

* Đoạn tuyến từ cột (1.2.3.4).1 đến 4.8 lộ 3&4:

Di chuyển đoạn tuyến ĐZK 0.4kV khoảng từ cột (1.2.3.4).1 đến cột 4.8 lộ 3&4 sau TBA Vĩnh Hào 4 phục vụ mở rộng đường Vĩnh Hào, tuyến chủ yếu đi theo tuyến hiện có di chuyển các vị trí cột nằm trong phạm vi mở rộng đường ra giáp mép quy hoạch GPMB mở rộng đường, tổng chiều dài đoạn tuyến di chuyển 254m sử dụng 06 vị trí cột trồng mới. Phương án cụ thể:

+ Cột:

- Thay mới cột PC.I 8.5-190-5.0kN cho các vị trí cột (3.4).2; (3.4).3; (3.4).4; (3.4).5; (3.4).6.
- Thay mới cột 2PC.I 8.5-190-5.0kN cho vị trí cột (3.4).7.

+ Móng:

- Đúc mới móng MT8,5-2 cho vị trí cột (3.4).2.
- Đúc mới móng ML8,5-2 cho các vị trí cột (3.4).3; (3.4).4; (3.4).5; (3.4).6.
- Đúc mới móng MTK8,5-2 cho vị trí cột (3.4).7.

+ Dây dẫn: Thay dây dẫn (3AV95+AV70)mm² khoảng từ tủ điện 0.4kV sau TBA Vĩnh Hào 4 đến cột 4.8 bằng cáp vặn xoắn Al/XLPE(4x120)mm² chiều dài L=254m;

+ Xà, phụ kiện cáp VX:

- Thay mới tấm móc, đai thép+ khóa đai, kẹp néo, kẹp đỡ cáp vặn xoắn, phụ kiện đầu nối phù hợp với chủng loại cáp.
- Bổ sung xà lảnh cáp vặn xoắn cho các vị trí cột (3.4).2 và (3.4).6.

+ Đóng mới tiếp địa tại các vị trí cột (3.4).2 và (3.4).7;

+ Hòm hộp công tơ, tủ tụ bù:

- Tháo hạ, lắp đặt lại hòm, hộp công tơ; tủ tụ bù tại các vị trí cột thay thế.
- Thay mới phụ kiện đầu nối, treo hòm hộp công tơ.

- Bổ sung dây dẫn đấu nối dây sau công tơ; đấu nối hoàn trả cấp điện lại cho các hộ sử dụng điện.
- * Các giải pháp kỹ thuật khác: Theo các giải pháp kỹ thuật trong hồ sơ do Đơn vị tư vấn thiết kế lập.

(Chi tiết tại hồ sơ thiết kế đính kèm)

3. Thời hạn hoàn thành.

Thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành gói thầu tối đa là 90 ngày.

II. Các yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật

1. Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình.

Tuân thủ theo đúng chỉ dẫn của thiết kế, các tiêu chuẩn về thi công và nghiệm thu hiện hành theo quy định của pháp luật.

Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng bao gồm:

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ về việc quy định và hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp; Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về việc bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014;
- Quy phạm trang bị điện: 11-TCN-18-2006, 11-TCN-19-2006, 11-TCN-20-2006, 11 TCN-21-2006 do Bộ Công Nghiệp ban hành kèm theo quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/07/2006; và các tiêu chuẩn khác có liên quan;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện QCVN QTĐ-6:2009/BCT;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện QCVN QTĐ-7:2009/BCT;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện QCVN QTĐ-8:2010/BCT;
- Một số tiêu chuẩn của ủy ban kỹ thuật điện Châu Âu (IEC) được phép áp dụng tại Việt Nam đối với máy biến áp, máy cắt điện, dao cách ly, máy biến dòng điện, máy biến điện áp, chống sét van, sứ cách điện, thiết bị nhị thứ, tủ bảng điện, thiết bị điều khiển và bảo vệ;
- Thông tư 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của bộ công Thương về quy định hệ thống điện phân phối;
- Quyết định số 1157/QĐ-EVN ngày 19/12/2014 của Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt nam về việc ban hành Quy trình an toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;
- Công văn số 641/ĐĐMB-PT của Trung tâm điều độ Hệ thống điện miền Bắc ngày 02/7/2015 về việc thỏa thuận role

bảo vệ các công trình mới lưới điện 220kV, 110kV;

- Quy định về mạ kẽm nhúng nóng của Tổng Công ty Điện lực Việt nam ban hành kèm theo quyết định số 2982/QĐ-EVN-TĐ ngày 10/09/2003;

- Quy định thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy cho các dự án xây dựng công trình điện của Tập đoàn Điện lực Việt nam ban hành kèm theo quyết định số 708/QĐ-EVN ngày 22/10/2014;

- Quyết định 255/QĐ-EVN ngày 02/03/2018 của tập đoàn điện lực Việt Nam về: “Quy định về nội dung và trình tự khảo sát phục vụ thiết kế các công trình lưới điện”;

- Hệ thống nối đất và chống sét cho trạm, áp dụng tiêu chuẩn 11TCN-2-2006 do Bộ Công nghiệp ban hành năm 2006;

- QCVN 07: 2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông QCVN 33:2011/BTTTT;

- TCVN 8691:2011 Hệ thống thông tin cáp sợi quang PDH - Yêu cầu kỹ thuật;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8700:2011 về Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đầu cáp viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8699:2011 về Mạng viễn thông - Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCN 68-153: Cống, bể cáp và tủ đầu cáp – Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 4055:2012 - Tổ chức thi công;

- TCVN 9361:2012 - Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu;

- TCXDVN 33:2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- TCVN 5575:2012 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5573:2011 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế do Bộ Xây dựng ban hành kèm theo quyết định số: 345/BXD/KHCN ngày 19/12/1995;

- Kết cấu thép - tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 5575-2012;

- Kết cấu thép - gia công - lắp ráp - nghiệm thu và yêu cầu kỹ thuật: TCXDVN 170 : 2007;
- Tiêu chuẩn về thép hình, thép tấm: TCVN 1656-75, TCVN 7571-1 2006; JIS 3192; JIS G 3101; JIS G 3106;
- Tiêu chuẩn về bu lông đai ốc: TCVN 1876-76 và 1896-76;
- Tiêu chuẩn về vòng đệm vênh: TCVN 130-77; TCVN 132-77; TCVN 134-77; TCVN 2060-77; TCVN 2061-77;
- Tiêu chuẩn về mạ kẽm nhúng nóng: 18 TCN 04-92;
- TCVN 9398:2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.
- TCVN 9401:2012 - Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.
- TCVN 4453:1995 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu
- TCVN 2682:2020 - Xi măng pooc lăng - Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 6260:2020 - Xi măng pooc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 7572:2006 - Cốt liệu cho bê tông và vữa xây dựng - Phương pháp thử
- TCVN 7570:2006 - Cốt liệu cho bê tông và vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 4506:2012 - Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật
- TXDCVN 371:2006 - Nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng
- TCVN 5038:1991 - Quy trình sử dụng máy xây dựng
- TCVN 4087:2012 - Sử dụng máy xây dựng - Yêu cầu chung
- TCVN 1651:2018 - Thép cốt bê tông
- TCVN 8828-2011 - Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên.
- TCVN 4447:2012 - Công tác đất - Thi công và nghiệm thu
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng khác có liên quan.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát.

a. Nhà thầu thi công công trình xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình.

Lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo

chất lượng công trình của nhà thầu. Hệ thống quản lý chất lượng công trình của nhà thầu phải phù hợp với quy mô công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng công trình của nhà thầu.

b. Trình chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan chấp thuận các nội dung sau:

c.1. Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật;

c.2. Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; thiết kế biện pháp thi công, trong đó quy định cụ thể các biện pháp, bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình;

c.3. Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

c.4. Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định của hợp đồng

c. Bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

d. Thực hiện trách nhiệm quản lý chất lượng trong việc mua sắm, chế tạo, sản xuất vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và quy định của hợp đồng xây dựng.

e. Thực hiện các công tác thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước và trong khi thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng.

f. Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng xây dựng, thiết kế xây dựng công trình. Kịp thời thông báo cho chủ đầu tư nếu phát hiện sai khác giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng xây dựng và điều kiện hiện trường trong quá trình thi công. Tự kiểm soát chất lượng thi công xây dựng theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng. Hồ sơ quản lý chất lượng của các công việc xây dựng phải được lập theo quy định và phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại công trường.

g. Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là nhà thầu chính.

h. Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).

i. Lập nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định.

j. Lập bản vẽ hoàn công theo quy định.

k. Yêu cầu chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai

đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

1. Báo cáo chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và yêu cầu đột xuất của chủ đầu tư.

m. Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng xây dựng có thỏa thuận khác.

3. Yêu cầu về vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế nhà thầu phải lập bảng kê chi tiết trong đó phải nêu rõ tên, mã hiệu (nếu có), nhà sản xuất, nhà cung cấp, thông số kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật... của các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình, kèm theo là các tài liệu chứng minh chất lượng đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các tiêu chuẩn hiện hành để tham dự thầu. Tên, nhãn hiệu, nhà sản xuất của sản phẩm, hàng hóa (nếu có) nêu trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo.

Đối với các loại vật tư/vật liệu chính như (cột bê tông ly tâm các loại, dây cáp điện các loại, xà, sứ) nếu nhà thầu chào thiếu hoặc không rõ ràng nguồn gốc xuất xứ thì nhà thầu sẽ bị coi là không đáp ứng biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng, lắp đặt cho công trình.

4. Yêu cầu về trình tự, giải pháp kỹ thuật thi công, lắp đặt.

a. Trình tự thi công toàn bộ các hạng mục công trình phù hợp với tiến độ đề xuất của nhà thầu và tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về xây dựng.

b. Nhà thầu phải thuyết minh trong E-HSMT giải pháp và biện pháp kỹ thuật thi công cho từng hạng mục công trình thuộc gói thầu (Di chuyển các đoạn tuyến ĐZK 0.4kV sau TBA Vĩnh Hào 1; di chuyển các đoạn tuyến ĐZK 0.4kV sau TBA Vĩnh Hào 5, di chuyển các đoạn tuyến ĐZK 0.4kV sau TBA Vĩnh Hào 2, di chuyển các đoạn tuyến ĐZK 0.4kV sau TBA Vĩnh Hào 4). Giải pháp và biện pháp kỹ thuật thi công cho từng hạng mục công trình phải bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

- Kế hoạch thi công;
- Các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu được áp dụng;
- Phương pháp, công nghệ, trình tự các bước thi công;
- Bản vẽ biện pháp thi công;
- Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công;

- Qui trình, thủ tục và điều kiện nghiệm thu công trình/hạng mục công trình;
- Giải pháp khắc phục/đền bù những công trình/hạng mục công trình bị ảnh hưởng/hư hỏng bởi việc thi công (nếu xảy ra) và trách nhiệm của các bên liên quan;
- Giải pháp đảm bảo ATGT trong quá trình thi công.

5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ.

- Nhà thầu tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công nhân công trường về ý thức phòng chống cháy nổ trong quá trình làm việc tại công trường.
- Nhà thầu phải tập kết vật tư, vật liệu và các trang thiết bị, các vật dễ cháy nổ cách xa các nguồn gây cháy như bếp, nguồn điện.
- Nhà thầu phải bố trí các trang thiết bị và phương tiện cứu hỏa tại công trường, sẵn sàng đối phó khi có hỏa hoạn xảy ra như bể nước, bể cát, bình cứu hỏa...
- Trong hồ sơ dự thầu, Nhà thầu cần nêu rõ công tác tổ chức phòng chống cháy, nổ tại công trường, liệt kê các trang thiết bị và phương tiện cứu hỏa sẽ bố trí tại hiện trường, phải xác định các nguy cơ cháy nổ có thể xảy ra và nêu rõ:
 - + Các giải pháp phòng ngừa nguy cơ cháy nổ.
 - + Các giải pháp chữa cháy và khắc phục sự cố.
 - + Tổ chức bộ máy quản lý PCCC tại hiện trường.

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường.

- a. Nhà thầu nghiêm túc thực hiện các yêu cầu trong Kế hoạch bảo vệ môi trường của công trình đã được đăng ký cấp có thẩm quyền và các quy định hiện hành của Nhà nước và địa phương về các nội dung sau:
- Bảo vệ môi trường về tiếng ồn đối với các khu vực thi công đông dân cư.
 - Độ rung, chấn động gây ra do các thiết bị thi công.
 - Ô nhiễm không khí do khói, bụi đất, các khí độc thải ra trong quá trình thi công.
 - Ô nhiễm nguồn nước.
 - Xử lý chất thải rắn không có khả năng phân huỷ.
 - Xử lý chất thải lỏng.

- Các điều kiện về vệ sinh trong sinh hoạt của công trường.

b. Nhà thầu thực hiện các yêu cầu cụ thể sau để đảm bảo vệ sinh, bảo vệ môi trường:

- Phổ biến và giáo dục cán bộ, công nhân viên về ý thức giữ gìn vệ sinh chung, bảo vệ môi trường.

- Có biện pháp thi công hợp lý để hạn chế tiếng ồn, rung động, ô nhiễm khói bụi đối với các khu vực dân cư nói chung và đối với công trường nói riêng.

- Tập kết vật liệu gọn gàng. Không đổ vật liệu, chất thải, đất đào bừa bãi làm ô nhiễm nguồn nước trong khu vực. Đặc biệt là các vật tư, vật liệu độc hại như dầu, nhớt, nhựa đường, bê tông nhựa.

- Nhà thầu tổ chức việc vận chuyển các loại vật liệu bằng ô tô vào những thời điểm hợp lý, xe có phủ bạt và thường xuyên tưới nước, quét dọn đất cát trên đường vận chuyển để giảm thiểu khói bụi.

- Thường xuyên tổ chức dọn vệ sinh tại công trường.

- Bố trí khu vực sinh hoạt cho công trường riêng biệt và hợp lý, tránh bố trí đầu gió để không làm ảnh hưởng đến vệ sinh chung.

- Chịu trách nhiệm về những hậu quả xấu do mình gây ra. Nhà thầu phải tự lo bãi đổ thải và có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực bãi đổ thải theo các quy định hiện hành. Nhà thầu phải vận chuyển và xử lý chất thải rắn, bùn xây dựng tại khu vực bãi đổ thải.

7. Yêu cầu về an toàn lao động;

a. Nhà thầu phải có phương án tổ chức và các biện pháp cụ thể sẽ áp dụng để đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công công trình bao gồm các nội dung:

- Tổ chức công tác đảm bảo an toàn lao động chung cho toàn công trường.

- Đảm bảo an toàn lao động cho người và phương tiện trực tiếp tham gia thi công.

- Đảm bảo an toàn lao động cho người thứ ba.

- Các vị trí nguy hiểm, có thể xảy ra tai nạn, Nhà thầu phải bố trí biển thông báo, quây rào, hoặc hệ giáo che chắn.

b. Cán bộ, công nhân làm việc trong công trường phải thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động, có đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, quần áo, ủng, mũ bảo hộ, dây an toàn và các thiết bị cần thiết khác.

c. Nhà thầu phải có tính toán về an toàn về biện pháp tổ chức thi công chi iết và các kết cấu phụ trợ, các thiết bị chống đỡ, neo giữ... phục vụ thi công. Khi thấy cần thiết, Giám sát được quyền yêu cầu Nhà thầu chứng minh về tính an toàn của biện pháp

tổ chức thi công của mình bằng các tính toán cụ thể.

d. Nhà thầu phải mua bảo hiểm lao động và bảo hiểm y tế cho toàn bộ nhân sự tham gia thi công.

e. Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ đầu tư nếu không nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về an toàn lao động, để xảy ra các tai nạn về người.

8. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công.

- Huy động nhân lực và thiết bị thi công phải đúng với biện pháp thi công và tiến độ đề xuất.

- Nhân lực và thiết bị phục vụ thi công phải do nhà thầu quản lý và điều hành. Nhân lực của nhà thầu phải đúng danh sách gửi cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan.

- Nhân lực tham gia thi công trực tiếp phải được đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

- Thiết bị, máy móc phải được trình và kiểm tra chất lượng trước khi nhà thầu sử dụng tại công trường.

- Nhân sự chủ chốt và máy móc thiết bị theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu mà nhà thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu được hiểu là để sử dụng chung cho toàn bộ gói thầu. Đối với nhà thầu Liên danh, chủ đầu tư khuyến khích từng thành viên Liên danh có đề xuất riêng (nhân sự, máy móc thiết bị phù hợp với phần công việc do mình đảm nhận) trong hồ sơ dự thầu để chủ động trong việc thi công xây dựng.

9. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục.

Công tác tổ chức thi công của Nhà thầu tuân theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 4055:2012 - Tổ chức thi công.

Căn cứ phương án tổ chức thi công đã được lập trong hồ sơ dự thầu, sau khi khảo sát điều tra điều kiện thực tế, Nhà thầu cần hoàn chỉnh lại, cụ thể hoá phương án tổ chức thi công cho phù hợp để báo cáo Chủ đầu tư thông qua trước khi triển khai. Phương án tổ chức thi công điều chỉnh lại không được làm tăng giá trị hợp đồng và phải tôn trọng kết quả đấu thầu cũng như những nguyên tắc của Hồ sơ mời thầu. Trong phương án tổ chức thi công tổng thể Nhà thầu phải nêu rõ các nội dung:

a. Công tác chuẩn bị mặt bằng thi công:

Mặt bằng thi công bao gồm toàn bộ phạm vi mặt bằng của gói thầu bao gồm phạm vi diện tích sử dụng thi công và bố trí các công trình phục vụ công tác thi công.

Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Nhà thầu phải tiến hành công tác chuẩn bị mặt bằng thi công. Nhà thầu phải thỏa thuận với chính quyền, nhân dân địa phương về việc thuê, mượn đất để bố trí mặt bằng (nếu có), hợp đồng cung cấp điện, nước phục vụ sinh hoạt, thi công và đăng ký tạm trú tạm vắng cho cán bộ, công nhân công trường. Sau khi hoàn thành công trình hoặc hạng

mục, Nhà thầu có trách nhiệm dỡ bỏ các công trình phụ tạm đã xây dựng để trả lại hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, mặt bằng đã thuê, mượn theo các giao kèo và tránh các khiếu kiện nếu có.

Việc bố trí mặt bằng công trường phải đảm bảo hợp lý, khả thi cho việc thi công tất cả các hạng mục của công trình.

b. Yêu cầu về biện pháp thi công của các hạng mục:

Căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, thực địa công trình đã được bàn giao, biện pháp thi công tổng thể được Chủ đầu tư phê duyệt; nhân lực, thiết bị và vật liệu hiện có, từng tháng hoặc từng giai đoạn, Nhà thầu lập biện pháp tổ chức thi công chi tiết của từng hạng mục công việc trình Giám sát của Chủ đầu tư thông qua trước khi thi công. Trong biện pháp tổ chức thi công chi tiết của Nhà thầu gồm các nội dung:

- Khối lượng công việc phải thực hiện.
- Lượng vật tư, vật liệu cần sử dụng.
- Nhân lực và thiết bị cần phải bố trí.
- Trình tự thực hiện các công việc xây dựng trong hạng mục.
- Yêu cầu kỹ thuật khi thi công các công việc xây dựng.
- Biểu tiến độ chi tiết và khối lượng hoàn thành theo thời gian.

10. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu.

- Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu phải được trình bày, thuyết minh ngay trong hồ sơ dự thầu và phải được thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan biết trước khi thi công xây dựng.

- Tài liệu thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng phải thể hiện rõ nội dung:

a) Sơ đồ tổ chức các bộ phận, cá nhân của nhà thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô của công trường xây dựng; quyền và nghĩa vụ của các bộ phận, cá nhân này trong công tác quản lý chất lượng công trình.

b) Kế hoạch và phương thức kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng công trình bao gồm:

- Kiểm soát và đảm bảo chất lượng vật tư, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, được sử dụng vào công trình.
- Kiểm soát và đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn công tác thi công xây dựng.
- Hình thức giám sát, quản lý chất lượng nội bộ và tổ chức nghiệm thu nội bộ.
- Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng; quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu

cầu thiết kế.

c) Quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thi công xây dựng; nghiệm thu; hình thức và nội dung nhật ký thi công xây dựng công trình; quy trình và hình thức báo cáo nội bộ, báo cáo chủ đầu tư; phát hành và xử lý các văn bản thông báo ý kiến của nhà thầu thi công xây dựng, kiến nghị và khiếu nại với chủ đầu tư và các bên có liên quan.

11. Yêu cầu khác căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu:

a. Nhật ký thi công và thông báo thi công:

Trong suốt quá trình thi công, Nhà thầu có trách nhiệm ghi đầy đủ các nội dung của quá trình thi công theo từng ngày về thời tiết, nhân lực và thiết bị huy động, công việc thực hiện trong ngày và các nội dung khác nếu có. Giám sát có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về nội dung nhật ký thi công do Nhà thầu ghi và ký xác nhận vào sổ nhật ký thi công theo ngày. Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản sổ nhật ký công trình làm tài liệu lập hồ sơ hoàn công. Nếu đánh mất, Nhà thầu chịu phạt trách nhiệm. Hình thức và mức độ phạt sẽ được Chủ đầu tư quy định rõ trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

b. Yêu cầu về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất:

- Báo cáo định kỳ: Nhà thầu phối hợp với Giám sát thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tiến độ, chất lượng và khối lượng cùng với các vấn đề tồn tại, phát sinh trong quá trình thi công. Thời gian báo cáo, nội dung và mẫu báo cáo định kỳ sẽ do Chủ đầu tư quy định phụ thuộc vào từng giai đoạn thi công và tính cấp bách của công tác thi công.

- Báo cáo đột xuất: Trong quá trình thi công thực tế, khi gặp phải các sự không lường trước như thực địa không đúng với khảo sát, biện pháp thiết kế không phù hợp với thực địa... hoặc có sự cố công trình nằm ngoài thẩm quyền giải quyết của Giám sát và Nhà thầu thì Nhà thầu phải phối hợp với Giám sát báo cáo ngay cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư cử người và mời các bên liên quan xem xét, giải quyết. Hình thức báo cáo có thể bằng văn bản hoặc điện thoại (sau đó phải có báo cáo bằng văn bản kèm theo). Nhà thầu phải đảm bảo thời điểm Chủ đầu tư nhận được thông tin về sự việc không chậm quá 24h từ khi phát hiện ra sự việc.

c. Yêu cầu về hồ sơ hoàn công:

- Công tác lập hồ sơ hoàn công công trình thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước; Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ hoàn công về phần các tài liệu rong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và các tài liệu liên quan đến thiết kế, tài liệu làm cơ sở để Nhà thầu triển khai thi công. Nhà thầu chịu trách nhiệm lập hồ sơ hoàn công phần các tài liệu liên quan trực tiếp đến quá trình thi công và bản vẽ hoàn công công trình. Giám sát có trách nhiệm phối hợp với Nhà thầu trong suốt quá trình lập hồ sơ hoàn công.

d. Yêu cầu về các cuộc họp:**d.1. Họp hoàn thiện hợp đồng:**

- Sau khi Nhà thầu nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ tổ chức cuộc họp hoàn thiện hợp đồng;
- Nội dung chủ yếu của cuộc họp là tiến hành thống nhất các điều khoản cụ thể của hợp đồng.

d.2. Họp thông qua phương án tổ chức thi công chi tiết;**d.3. Họp giao ban theo định kỳ hoặc đột xuất:**

- Tại cuộc họp này, Giám sát, Nhà thầu phải chuẩn bị các báo cáo về tiến độ, chất lượng, nghiệm thu thanh toán, phối hợp công việc và các đề xuất thuộc phạm vi giải quyết của Chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư sẽ kết luận và thực hiện thông báo để đảm bảo về tiến độ, chất lượng và giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi xử lý của Chủ đầu tư.

- Thời gian họp định kỳ tùy theo yêu cầu tiến độ của gói thầu và do Chủ đầu tư quyết định, Giám sát và Nhà thầu căn cứ ý kiến chỉ đạo của Chủ đầu tư thực hiện.

- Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ mời cuộc họp đột xuất bằng hình thức gọi điện thoại hoặc fax giấy mời đến các bên liên quan khi cần kiểm điểm tiến độ của Nhà thầu, khi có các chế độ chính sách thay đổi cần thông báo với Nhà thầu hoặc mời họp theo đề xuất của Nhà thầu để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thi công. Các bên phải ngay lập tức thực hiện nội dung mời họp và đảm bảo dự họp đầy đủ để cuộc họp đạt kết quả.

IV. Các bản vẽ

Bản vẽ và các tài liệu liên quan được scan gửi kèm cùng E-HSMT